TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 7- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Cúc Phương

2. Bà Tạ Thị Mùa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ*** *tham gia phiên tòa:* Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Sìn Thị L; Nơi ĐKHKTT: Xã M, huyện M, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Tổ 03, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Tòng Văn T; Nơi ĐKHKTT: Bản Mớ, xã Noong Hẹt, huyện Đ, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Bản M, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sìn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh T lấy nhau có đăng ký kết hôn, trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2018 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. NH sau đó bắt đầu có những mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2022. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ mọi việc với nhau trong cuộc sống, không ai còn quan tâm đến ai, công việc của ai người đó làm, do tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng có cố

gắng hàn gắn cũng không có hạnh phúc, nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu Tòng Tuấn H, sinh ngày 11/7/2018; tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Công việc hiện nay của tôi làm nhân viên quầy thu ngân của Công ty cổ phần thế giới di động, chi nhánh tỉnh Đ; Địa chỉ tại: Tổ 03, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ. Thu nhập của tôi tổng các khoản gồm: Lương cơ bản, thưởng, tiền ăn trưa, tiền xăng xe bình quân một tháng từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ/01 tháng. Thời gian làm việc theo ca, thời gian làm việc của tôi từ 08 giờ sáng đến 03 giờ chiều, 01 tuần được nghỉ một ngày thứ bẩy hoặc chủ nhật, công việc của tôi không bao giờ phải đi công tác.

Cháu H đang ở cùng tôi và bà ngoại (Là mẹ đẻ của tôi) tại nhà có địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ; đây là nhà tôi thuê, là ngôi nhà độc lập, nhà xây cấp 04 kiên cố. Cháu đang đi học tại trường Mầm non 20/10, thành phố Đ, tỉnh Đ.

- Về tài sản và nợ: Chúng tôi không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Tại trả lời thông báo thụ lý, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn anh Tòng Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và cô L lấy nhau có đăng ký kết hôn, trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2018, tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. NH sau đó bắt đầu có những mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân nhau, vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ mọi việc với nhau trong cuộc sống, không ai còn quan tâm đến ai, công việc của ai người đó làm, do tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng có cố gắng hàn gắn cũng không có hạnh phúc. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân, tôi về sinh sống cùng bố mẹ tôi tại bản Mớ, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ và bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ. Cho đến nay tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi cũng đồng ý ly hôn với cô L.

- Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu Tòng Tuấn H, sinh ngày 11/7/2018; tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc con chung, không yêu cầu cô L cấp dưỡng nuôi con chung.

Công việc hiện nay của tôi là kỹ sư giám sát công trình xây dựng cho công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Mạnh Cường, tỉnh Đ; thu nhập của tôi tổng các khoản gồm: Lương cơ bản, thưởng, tiền ăn, tiền xăng xe bình quân một tháng là 15.000.000/ 01 tháng. Thời gian làm việc theo thời gian làm việc giờ hành chính, 08 tiếng trên ngày, làm từ thứ hai đến chủ nhật.

Từ khi hai vợ chồng sống ly thân, khoảng từ ngày 10/01/2022 đến ngày 18/01/2022, vẫn ở chung nhà, cháu H vẫn ở cùng với hai vợ chồng tôi, trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2022 đến ngày 20/02/2022 cháu H lúc ở cùng với tôi và bà nội tại Bản Mớ, xã Noong Hẹt, huyện Đ, lúc ở cùng với cô L. Ngôi nhà tại tổ 03,

phường N, thành phố Đ là ngôi nhà do hai vợ chồng tôi thuê ở, là ngôi nhà cấp 4, nhà độc lập.

Từ ngày 21/02/2022 đến thời điểm này cháu H đang ở cùng với mẹ cháu tại địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ và lúc thì có cụ ngoại đến ở cùng, lúc thì có bà ngoại đến ở cùng, khi thì cháu ở cùng với hàng xóm là bà Hoàng Thị Hiền, địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Cháu H trước đây học tại các trường tư thục trên địa bàn thành phố Đ, từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay, cháu đang đi học tại trường Mầm non 20/10, thành phố Đ, tỉnh Đ. Tôi đang ở cùng bố mẹ tôi tại Bản Mớ, xã Noong Hẹt, huyện Đ. Nếu được trực tiếp chăm sóc cháu H, tôi sẽ chuyển trường cho cháu về gần nhà ông bà nội, để ông bà nội phụ cùng tôi chăm sóc cháu, nếu cô L yêu cầu tôi để cháu tiếp tục học tại trường Mầm non 20/10, thành phố Đ, tỉnh Đ, tôi cũng đồng ý.

- Về tài sản và nợ: Chúng tôi không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Tại biên bản xác minh ngày 26/5/2022, đại diện chính quyền địa phương xác nhận:

Trong thời gian anh T, chị L sinh sống cùng nhau tại tổ 03, phường N, thành phố Đ, chính quyền địa phương chưa bao giờ chứng kiến hay biết được những mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị L, cũng chưa bao giờ phải giải quyết các mâu thuẫn. Ngôi nhà anh T, chị L sinh sống là nhà thuê, là ngôi nhà độc lập, xây cấp 4, từ khi chị L làm thủ tục ly hôn anh T không về sinh sống tại tổ 03, phường N, thành phố Đ.

4. Tại biên bản xác minh ngày 26/5/2022, đại diện cửa hàng thế giới di động chi nhánh tổ 03, phường M xác nhận:

Chị L hiện là nhân viên thu ngân của công ty cổ phần Thế Giới di động tại phường M, thành phố Đ. Với đặc thù ngành, nghề của công ty thì công việc trong một ngày sẽ được làm theo ca. Ca sáng từ 08 giờ đến 15 giờ chiều, ca chiều từ 15 giờ chiều đến 21 giờ tối, công việc sẽ đảo theo ca, hôm nay nhân viên nào làm ca sáng thì ngày mai sẽ làm ca chiều. Tuy nhiên đối với công việc thu ngân, để đảm cho việc theo dõi và dễ quản lý, công ty sẽ phân theo ca cố định, ai làm ca sáng sẽ làm ca sáng, ai làm ca chiều sẽ làm ca chiều, chị L hiện đang làm ca sáng từ 08 giờ đến 15 giờ. Đối với việc làm thêm giờ, công ty vẫn làm thêm giờ, nH nhân viên nào có nhu cầu làm thêm giờ, sẽ phải đăng ký làm thêm giờ, tùy theo vào nhu cầu công việc và thu nhập của mỗi nhân viên.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án thấy rằng Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và tiến hành các thao tác tố tụng đã tuân thủ là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 51, 227, 233, 237, 239/BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của chị Sìn Thị L đối với anh Tòng Văn T. Cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Sìn Thị L được ly hôn với anh Tòng Văn T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Tòng T H, sinh ngày 11/7/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tòng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Sìn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tòng Văn T khi Tòa án thụ lý vụ án, anh có đăng ký tạm trú tại phường N, thành phố Đ. Nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về hôn nhân: Hôn nhân của chị L và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyên, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Noong Hẹt, huyện Đ, tỉnh Đ, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau, anh chị hiện đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L và anh T cùng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, anh chị cùng đồng ý ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận cho chị L và anh T được ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị L và anh T thống nhất có một con chung là cháu Tòng Tuấn H, sinh ngày 11/7/2018. Nguyện vọng của chị L là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H vì cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị L làm nhân viên quầy thu ngân của Công ty cổ phần thế giới di động, chi nhánh tỉnh Đ; Địa chỉ tại: Tổ 03, phường Mường Thanh, thành phố Đ, tỉnh Đ. Tổng các khoản thu nhập từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ/ 1 tháng, thời gian làm việc theo ca từ 08 giờ sáng đến 03 giờ chiều, 01 tuần được nghỉ một ngày thứ bẩy hoặc chủ nhật, công việc của chị không bao giờ phải đi công tác, có nơi ở ổn định. Hiện cháu H đang ở cùng chị và cháu đang đi học tại trường Mầm non 20/10, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, công việc hiện nay của anh T là làm kỹ sư giám sát công trình xây dựng, có thu nhập tổng các khoản là 15.000.000/ 01 tháng. Thời gian làm việc theo thời gian làm việc giờ hành chính, 08 tiếng trên ngày, làm từ thứ hai đến chủ nhật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi sinh ra cho đến trước khi anh T, chị L sống ly thân, cháu H đều sống cùng bố mẹ tại tổ 3, phường N, thành phố Điên Biên Phủ, tỉnh Đ. Hiện tại chị L và anh T đều có công việc, nơi ở, ổn định. Do vậy, Xét về điều kiện và khả năng nuôi con của hai anh chị là như nhau, cả chị L và anh T đều có đủ điều kiện để được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Tuy nhiên, cháu H hiện còn nhỏ (04 tuổi), vẫn cần sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa cháu H đang ở cùng với chị L, cháu đang đi học tại trường Mầm non 20/10 tại thành phố Đ, để đảm bảo sự ổn định cho cháu H, cần giao cháu H cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sìn Thị L về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Chị Sìn Thị L được ly hôn với anh Tòng Văn T;

1.2. Về con chung: Chị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tòng Tuấn H, sinh ngày 11/7/2018, đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì L ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Sìn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền số 0001835 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Đ. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/7/2022).

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Đ;
- UBND xã Noong Hẹt, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành